

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 12 - 2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH, CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng K, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông Trần Hoàng K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng K. Trong quá trình chung sống bà và ông Trần Hoàng K có hai người con chung tên Trần Chí L (giới tính nam), sinh năm 1994 và Trần Chí T (giới tính

nam), sinh năm 1996, con chung đều đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hoàng K đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Hoàng K vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Hoàng K. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Hoàng K.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị H và ông Trần Hoàng K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trần Hoàng K không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Trần Hoàng K.

[3]. *Về con chung*: Bà Lê Thị H và ông Trần Hoàng K có hai người con chung tên Trần Chí L (giới tính nam), sinh năm 1994 và Trần Chí T (giới tính nam), sinh năm 1996. Con chung đều trưởng thành và có đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân, bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị H yêu cầu được tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. *Về nợ chung*: Bà Lê Thị H xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Huệ đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ, chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Trần Hoàng K là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0011936 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà Huệ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước